

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 23 tháng 10, 2026

Xem thêm



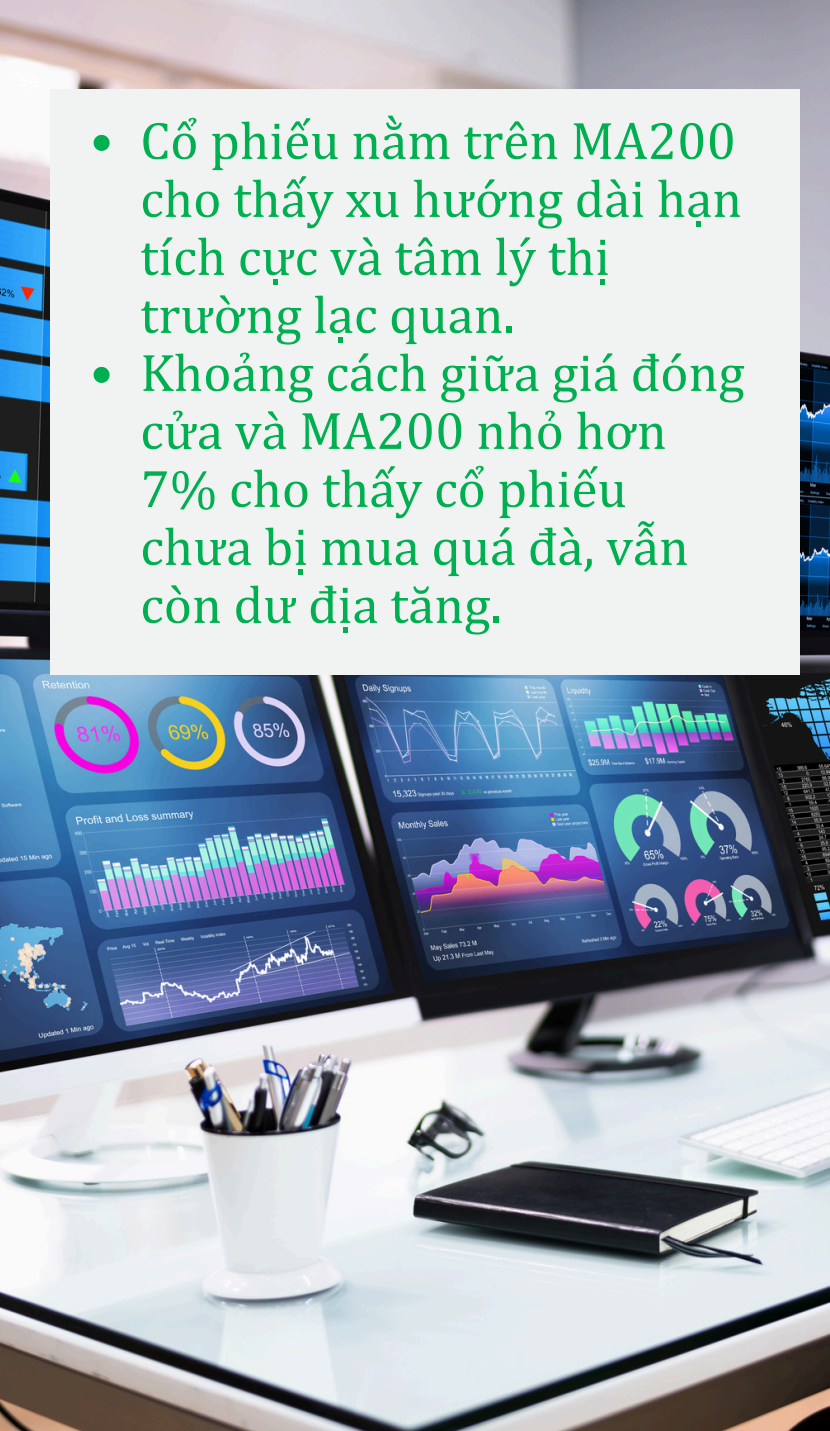
Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading



- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	PAN	22/10/2026	18.3	3.861.400	642.890	06.01
2	QTP	22/10/2026	11.3	774.200	157.067	4.93
3	ACV	22/10/2026	43	2.380.600	547.597	4.35
4	HDC	22/10/2026	11.65	5.215.200	1.293.150	04.03
5	ORS	22/10/2026	15.6	10.104.600	2.511.680	04.02
6	SZC	22/10/2026	19.6	1.003.700	335.917	2.99
7	GMD	22/10/2026	57.5	3.496.200	1.196.917	2.92
8	CSV	22/10/2026	23.85	1.200.400	428.020	2.8
9	NKG	22/10/2026	12	7.784.500	2.783.420	2.8
10	VSC	22/10/2026	14.55	21.856.200	8.197.137	2.67
11	TPB	22/10/2026	12.75	27.474.500	10.470.193	2.62
12	TNG	22/10/2026	19.2	1.959.800	770.967	2.54
13	TCX	22/10/2026	29.85	6.452.400	2.616.240	2.47
14	VGT	22/10/2026	11.9	1.254.300	535.540	2.34
15	DPG	22/10/2026	30.4	846.200	363.407	2.33
16	LAS	22/10/2026	12.4	992.200	426.180	2.33
17	TRC	22/10/2026	22.85	550.300	252.837	2.18
18	YEG	22/10/2026	8.15	1.896.400	871.657	2.18
19	DDV	22/10/2026	17.8	1.273.800	588.450	2.16
20	CII	22/10/2026	14.05	16.847.100	7.964.824	2.12
21	NLG	22/10/2026	23.15	3.140.500	1.531.540	02.05
22	VTO	22/10/2026	10.9	1.259.800	618.900	02.04
23	ANV	22/10/2026	18.9	1.976.800	1.015.220	1.95
24	PVD	22/10/2026	18.9	9.608.600	4.919.517	1.95
25	KSB	22/10/2026	13.5	1.053.600	575.700	1.83
26	FPT	22/10/2026	57.4	10.088.500	5.694.527	1.77
27	CTD	22/10/2026	65.5	587.100	339.600	1.73
28	GEE	22/10/2026	73	2.752.800	1.621.987	1.7
29	TVN	22/10/2026	10	1.038.600	625.683	1.66



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAA	22/10/2026	7.31	923.740	55.68	07.09	3.16
2	HCM	22/10/2026	24.1	2.322.800	49.73	22.94	05.05
3	MCH	22/10/2026	141	835.950	51.57	140.93	0.05
4	MSN	22/10/2026	73.9	4.570.650	60.53	73.46	0.6
5	MZG	22/10/2026	11.3	1.253.830	39.14	11.03	2.4
6	NAB	22/10/2026	12.25	2.177.000	53.49	11.93	2.64
7	TCB	22/10/2026	34.15	18.232.720	65.21	32.27	5.83
8	TNG	22/10/2026	19.2	1.249.370	65.63	18.71	2.59
9	VGT	22/10/2026	11.9	657.640	60.15	11.71	1.63
10	VOS	22/10/2026	12.1	1.083.780	58.43	11.7	3.45
11	VPI	22/10/2026	55.8	1.869.190	51.18	54.97	1.52
12	VPL	22/10/2026	85.5	719.970	64.36	84.13	1.63
13	VTO	22/10/2026	10.9	669.480	43.82	10.78	1.1



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	HTN	7.75	7.56	469.350
2	MSB	15.4	15.3	10362560

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	AAS	10.3	10.3	2.501.400
2	ACV	43	42.3	1.025.310
3	ANV	18.9	18.9	1560170
4	CSV	23.85	23.75	881.840
5	DCM	35.25	35.2	1.926.890
6	IDC	35.8	35.6	1.190.880
7	LAS	12.4	12	595.140
8	NKG	12	11.6	4.943.890
9	ORS	15.6	14.6	3.565.820
10	QTP	11.3	11.3	224530
11	SZC	19.6	19.45	469810
12	TNG	19.2	19	1.249.370
13	TPB	12.75	12.43	12.292.170
14	VGS	18.9	18.9	380.340
15	VIB	14.5	13.95	6.472.870

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	HSL	7.52	7.6	350.380
2	KOS	5.42	5.82	314.380
3	PPT	11	12.2	157.450
4	VNS	6	06.07	27.300
5	VTK	29.9	30.8	11.970

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	HPX	3.78	3.77	711.360
2	KOS	5.42	5.42	314.380
3	LGL	3.92	3.9	35.920
4	PPT	11	11	157.450
5	TDH	2.7	2.62	30.890
6	VNS	6	6	27.300
7	VTK	29.9	28	11.970



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	MCH	141	140.93	835.950
2	VPI	55.8	54.97	1.869.190
3	VPL	85.5	84.13	719970

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BSR	29.2	28.86	8.798.560
2	HDC	11.65	11.24	1.553.970
3	KDH	14.9	14.87	4442090
4	MCH	141	140.65	835.950
5	NLG	23.15	23.11	1.186.530
6	PVD	18.9	18.58	3.400.430
7	PVS	32.5	32.24	2.936.530
8	VIC	232.9	226.65	2.692.930
9	VJC	128.6	127.54	946890
10	VRE	25.3	24.67	3050020

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	BAF	31.5	31.25	1.453.160
2	BVB	10.5	10.49	1.435.220
3	DPM	21.85	21.85	1654450
4	HDB	22.35	22.03	19.446.870
5	MBG	2.5	2.42	797.900
7	OIL	13.3	13.23	1757550
8	PVC	11.9	11.84	646570
9	PVD	18.9	18.15	3400430
10	TCM	15.55	15.14	634590
11	VIC	232.9	223.85	2692930
12	VPI	55.8	55.41	1869190
13	VTZ	20.3	20.25	885980



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	DGW	45.7	45.72	1.216.740
2	MST	9.2	9.26	1.135.360
3	PAN	18.3	18.48	943270
4	VFS	9.7	9.82	708.030

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BVS	27	27.1	602.680
2	DBC	16.05	16.08	1.556.670
3	FCN	10.9	10.91	508660
4	HUT	12.5	12.75	1.846.050
5	NRC	4.7	4.71	520.540
6	SSI	20.15	20.26	17.665.750



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	22/10/2026	13.85	13.75	14.1	2.55	35,600
2	VTZ	22/10/2026	20.3	20	20.9	4.5	746,980
3	VNL	22/10/2026	18.9	18.5	19.35	4.59	22,980
4	ODE	22/10/2026	45.7	45.1	47.2	4.66	20,600
5	NCT	22/10/2026	83.1	82.1	86.3	5.12	12,660
6	CLX	22/10/2026	13.1	12.7	13.4	5.51	22,520
7	VNF	22/10/2026	12.8	12.7	13.4	5.51	7,180
8	TCL	22/10/2026	29.2	28.5	30.1	5.61	20,220
9	GDT	22/10/2026	15.9	15.3	16.25	6.21	5,020
10	VCP	22/10/2026	23.3	22.5	24	6.67	12,500
11	NTC	22/10/2026	134.2	125.6	134.2	6.85	11,980
12	VNR	22/10/2026	18.1	17.4	18.6	6.9	7,160
13	INN	21/10/2026	36	35	37.6	7.43	9,880
14	HTG	22/10/2026	34.6	32.55	35	7.53	10,860
15	QTP	22/10/2026	11.3	10.6	11.4	7.55	291,260
16	HTI	22/10/2026	18.7	17.8	19.2	7.87	10,440
17	DHG	22/10/2026	88	85.23	91.96	7.9	12,980
18	MCM	22/10/2026	25.7	25.1	27.2	8.37	70,260
19	ILB	22/10/2026	19	18.12	19.65	8.44	20,320
20	NBB	22/10/2026	17.2	16.4	17.8	8.54	10,580
21	DVP	22/10/2026	75	71.11	77.2	8.56	13,080
22	TIP	22/10/2026	15.9	15.45	16.85	09.06	13,360
23	SAF	22/10/2026	56.5	53	57.9	9.25	5,120
24	LHG	22/10/2026	26.9	25.3	27.4	9.47	37,820
25	CQN	22/10/2026	31.7	29.1	31.9	9.62	52,300
26	ABB	22/10/2026	17.7	16.6	18.2	9.64	533,420
27	HVT	22/10/2026	23.7	22.7	24.9	9.69	13,200



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Hoàng Ngọc Quyền

Chuyên viên phân tích

Email: quyenhn@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115